

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ M  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/DS-ST

Ngày: 24/01/2019

V/v tranh chấp: "*Hợp đồng vay tài sản*"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M - TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Ngô Hoàng Huy**;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà **Phan Thị Đẹp** - Cán bộ hưu trí;

- Ông **Nguyễn Văn Long** - Cán bộ hưu trí .

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Trần Phạm Vân Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố M - tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố M tham gia phiên tòa:** Bà **Trần Thị Ngọc Thúc** - Kiểm sát viên .

Ngày 24 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 266/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2018 về việc tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2018/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2018, quyết định hoãn phiên tòa số 138/2018/QĐST-DS ngày 17/12/2018 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Bà **Trần Thị D**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số 4, đường N, khu phố 1, Phường 1, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Văn D**, sinh năm 1953 (có mặt);

Địa chỉ: Số 273/40/1 N, Phường 11, Quận B, Thành Phố Hồ Chí Minh.

\* Bị đơn: 1. Ông **Đỗ Quốc T**, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà **Nguyễn Thị Phượng U**, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 99/2 đường L, Phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày: Do chỗ làm ăn quen biết bà D nhiều lần cho ông T và bà U vay tiền từ tháng 10/2017 đến tháng 12/2017, tổng cộng là 13.762.500.000 đồng để làm ăn, hạn ngày 01/01/2018 sẽ trả lại hết số tiền trên. Bà D nhiều lần nhắc nhở nhưng cho đến

nay ông T và bà U không trả số tiền trên. Nay bà D khởi kiện yêu cầu bà U và ông T liên đới trả cho bà số tiền gốc là 13.762.500.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất ngân hàng phát sinh từ ngày 01/01/2018 cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật tạm tính là 2.477.250.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

\* Bị đơn bà Nguyễn Thị Phượng U có đơn xin vắng mặt; tại bản tự khai ngày 22/01/2019 bà U trình bày: Bà thừa nhận có vay tiền của bà D nhưng không phải chỉ có nợ bà D tổng cộng là 8.800.000.000 đồng. Đến khoảng cuối tháng 11/2017 bà D có đến nhà bà và lấy đi nhiều tài sản trị giá khoảng 2.841.200.000 đồng để cầm trừ nợ. Hiện nay bà chỉ còn nợ bà D số tiền 5.958.800.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin trả dần, mỗi 03 tháng một lần, mỗi lần 15.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền trên.

\* Bị đơn ông Đỗ Quốc T, vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà D.

\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, về nội D vụ án đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông T và bà D liên đới trả cho bà D tiền gốc và lãi suất theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà D khởi kiện yêu cầu bà U và ông T liên đới trả cho bà số tiền gốc là 13.762.500.000 đồng mà bà U và ông T vay của bà nhưng không trả, đồng thời tính lãi suất từ ngày 01/01/2018. Do đó, Tòa án xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[2] Bà U có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà U và ông T.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà D, Tòa xét thấy:

Về số tiền gốc: Theo chứng cứ mà bà D cung cấp thì thể hiện từ tháng 10/2017 đến tháng 12/2017 bà D nhiều lần cho bà U vay tiền, có làm biên nhận và chuyển khoản qua Ngân hàng Sacombank, tổng cộng là 13.762.500.000 đồng. Theo lời trình bày của bà D thì khi vay tiền 2 bên thỏa thuận đến ngày 01/01/2018 bà U và ông T sẽ trả lại tiền cho bà D, tuy nhiên khi đến thời hạn bà U không trả là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự, nên bà D khởi kiện yêu cầu bà U trả lại tiền là có căn cứ pháp luật nên Tòa chấp nhận.

Về số tiền lãi: Theo lời trình bày của phía bà D thì khi cho bà U và ông T vay tiền hai bên có thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, thỏa thuận bằng lời nói chứ không ghi vào các biên nhận. Tại phiên tòa phía bà D yêu cầu tính lãi suất từ ngày

01/01/2018 đến 01/01/2019 theo thỏa thuận. Xét thấy mặc dù hai bên không thỏa thuận trong biên nhận nợ nhưng việc thỏa thuận bằng lời nói giữa hai bên là phù hợp, mức lãi suất đúng theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên Tòa chấp nhận. Từ 01/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm tính tròn 01 năm:

$13.762.500.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} \times 1,5\% / \text{tháng} = 2.477.250.000 \text{ đồng}.$

Như vậy tổng số tiền mà bà U và ông T phải trả cho bà D là:  $13.762.500.000 \text{ đồng} + 2.477.250.000 \text{ đồng} = 16.239.750.000 \text{ đồng}.$

[4] Tại bản tự khai gửi cho Tòa án bà U thừa nhận chỉ có nợ bà D số tiền 8.800.000.000 đồng, và cho rằng bà D đã lấy một số tài sản của bà có giá trị 2.841.200.000 đồng, nên chỉ đồng ý trả cho bà D số tiền 5.958.800.000 đồng. Tuy nhiên bà U không đưa ra được chứng cứ chứng minh, bà D cũng không thừa nhận, do đó lời trình bày của bà U Tòa án không chấp nhận.

[5] Bà U có ý kiến xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng. Tuy nhiên xét thấy số tiền bà U nợ bà D là lớn, việc trả dần sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của bà D, tại phiên tòa phía bà D cũng không đồng ý nên Tòa không chấp nhận.

[6] Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì thể hiện bà U và ông T là vợ chồng hợp pháp; theo bà D trình bày thì khi vay tiền bà U và ông T cùng là người vay và việc vay tiền để nhằm phục vụ việc làm ăn và sinh hoạt trong gia đình, nên theo Điều 37 Luật Luật Hôn nhân và gia đình qui định về “Nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản” thì ông T và bà U phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà U trả tiền cho bà D.

[7] Ông T vắng mặt và không đưa ra chứng cứ chứng minh nên Tòa án căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Về án phí: Bà U và ông T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 466 và Điều 357 Bộ luật dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

Buộc bà Nguyễn Thị Phượng U và ông Đỗ Quốc T liên đới trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền gốc là 13.762.500.000 đồng và tiền lãi là 2.477.250.000 đồng. Tổng cộng 16.239.750.000 đồng. Trả một lần.

2. Kể từ ngày bà Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Phượng U và ông Đỗ Quốc T chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với

số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bà Nguyễn Thị Phụng U và ông Đỗ Quốc T phải liên đới chịu 124.240.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà D 61.046.250 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013085 ngày 31/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố M.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP M;
- Chi cục THADS TP M;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Hoàng Huy**